



QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG Ở QUẬN BÌNH TÂN (THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH) SAU 10 NĂM THÀNH LẬP

*Trương Văn Tuấn**

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 02-5-2016; ngày phản biện đánh giá: 27-11-2016; ngày chấp nhận đăng: 22-02-2017

TÓM TẮT

Phát triển dân số (DS) và phát triển giáo dục phổ thông (GDPT) có mối quan hệ mật thiết với nhau. Phát triển DS ảnh hưởng đến quy mô, chất lượng giáo dục phổ thông qua quy mô, cơ cấu, phân bố dân số; ngược lại, phát triển GDPT cũng ảnh hưởng đến các động lực phát triển DS như mức sinh, mức tử, hôn nhân, di cư... Bài viết trình bày mối quan hệ giữa phát triển DS và phát triển GDPT ở quận Bình Tân sau 10 năm thành lập nhằm làm cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục trong thời gian tới.

Từ khóa: phát triển dân số, phát triển giáo dục, quận Bình Tân.

ABSTRACT

The relationship between population development and general education development in Binh Tan district (Ho Chi Minh City) after 10 years of establishment

Population development and general education development have an intimate relationship. Population development affects the scale and quality of general education via the scale, structure and distribution of the population; on the other hand, general education development also impacts on driving forces of population development such as birth rate, death rate, marriage, immigration, etc. This article presents the relationship between population development and general education development in Binh Tan district after 10 years of establishment to serve as the basis for upcoming education development planning.

Keywords: population development, education development, Binh Tan district.

1. Mở đầu

Dân số (DS) là đối tượng của giáo dục, ngược lại giáo dục tác động mạnh mẽ đến DS cả về quy mô, chất lượng; chính vì thế, phát triển giáo dục và phát triển DS có mối quan hệ hữu cơ với nhau, quan hệ này là quan hệ tương tác diễn ra theo hai chiều. Vì thế việc nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển dân DS và phát triển giáo dục có ý nghĩa to lớn, giúp các nhà hoạch định về chính sách DS và giáo dục phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương ở từng thời kì. Vì những ý nghĩa đó nên các vấn đề phát triển DS, phát triển giáo dục và mối quan hệ giữa chúng được rất nhiều nhà khoa học, nhà hoạch định chính sách quan tâm nghiên cứu. Nhiều công trình nghiên cứu có giá trị cả khoa học và thực tiễn đã được công bố dưới các hình thức khác nhau.

Bình Tân là một quận vùng ven của TPHCM, được thành lập theo Nghị định số:

* Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: truongtuandhsp@yahoo.com

130/2003/NĐ-CP ngày 05/11/2003 của Chính phủ gồm 10 phường. Cùng với xu thế phát triển của cả nước và TPHCM, kinh tế-xã hội (KT-XH) của Quận đang phát triển nhanh, nhất là giáo dục. Sự phát triển mạnh mẽ KT-XH đã và đang thu hút lao động từ nhiều nơi đến làm ăn sinh sống, vì thế tốc độ tăng DS của Quận rất nhanh, đặc biệt là tăng cơ học, kéo theo là sự gia tăng áp lực cho giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục phổ thông. Nhưng việc nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển DS và phát triển giáo dục trên địa bàn một quận mới thành lập ở Thành phố đặc biệt và có nhiều biến động về DS - quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh - hiện vẫn còn bỏ ngỏ. Dưới góc độ Địa lí học, bài viết này tập trung phân tích mối quan hệ của phát triển dân DS và phát triển GDPT ở quận Bình Tân về một số phương diện trên cơ sở dữ liệu thống kê chính thức đã được công bố; từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện tốt chiến lược phát triển DS và GDPT trong thời gian tới.

2. Mối quan hệ giữa phát triển dân số và phát triển giáo dục phổ thông ở quận Bình Tân

2.1. Ảnh hưởng của phát triển dân số đến phát triển giáo dục phổ thông

2.1.1. Quy mô, độ tăng DS ảnh hưởng đến quy mô GDPT

Sự thay đổi về quy mô và cơ cấu của DS sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển về số lượng và chất lượng của hệ thống giáo dục, nhất là GDPT.

Kết quả phân tích cho thấy trong 10 năm qua, DS quận Bình Tân tăng rất nhanh (trong vòng 10 năm tăng lên gần 390 nghìn người), tính ra độ tăng của giai đoạn là 146,2%. DS tăng nhanh tạo nhu cầu rất lớn cho phát triển GDPT, vì thế, số lượng học sinh phổ thông (HSPT) đã tăng từ 18451 năm 2003 lên 49493 học sinh (HS) năm 2013 (tăng 31042 HS) độ tăng là 168,2%. Như vậy, sau 10 năm (2003 – 2013), DS tăng lên khoảng 2,5 lần, số HSPT tăng tương ứng khoảng 2,6 lần. Độ tăng DS và số HSPT tương đồng nhau trong suốt thời kỳ, tuy nhiên, số HSPT tăng chậm hơn về thời gian. Năm 2005, DS tăng 54% so với năm 2003, nhưng mãi đến năm 2009 số HSPT mới tăng 36% so với năm 2007 (xem Bảng 1).

Bảng 1. Quy mô DS và số HSPT quận Bình Tân, giai đoạn 2003-2013

Năm	Quy mô DS (người)	Tăng so với năm trước (người)	% tăng so với năm trước	Số HSPT (người)	Tăng so với năm trước (người)	% tăng so với năm trước	Số HS/Quy mô DS
2003	265 441			18 451			7%
2005	408 995	143 554	54%	21 013	2 562	14%	5%
2007	483 089	74 094	18%	23 321	2 308	11%	5%
2009	565 568	82 479	17%	31 733	8 412	36%	6%
2011	614 790	49 222	9%	38 829	7 096	22%	6%
2013	653 543	38 753	6%	49 493	10 664	27%	8%

Nguồn: Xử lý từ số liệu từ [1]

Quy mô GDPT cũng tăng tương ứng với tăng DS và số HSPT (số trường tăng gần 2,4 lần, số giáo viên tăng 3 lần). Cụ thể: từ năm 2003 đến năm 2013, tăng thêm 20 trường và 1200 giáo viên (xem Bảng 2).

Bảng 2. Số trường học và số giáo viên quận Bình Tân (2003 – 2013)

	2003	2005	2007	2009	2011	2013	SL tăng so với đầu kì	% tăng cả giai đoạn
Số trường học (trường)	15	15	19	24	29	35	20	133%
- Tiểu học	9	9	11	15	17	19	10	111%
- THCS	5	5	6	7	7	11	6	120%
- THPT	1	1	2	2	5	5	4	400%
Số GV (người)	621	697	888	1133	1439	1845	1224	197%
-Tiểu học (HS)	314	387	451	514	682	842	528	168%
- THCS (HS)	227	228	307	461	487	627	400	176%
- THPT (HS)	80	82	130	158	270	376	296	370%

Nguồn: Xử lý từ số liệu từ [1]

2.1.2. Cơ cấu DS theo tuổi ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển GDPT

Cơ cấu DS theo độ tuổi là yếu tố xác định quy mô, cơ cấu của hệ thống GDPT. Nếu tất cả trẻ em đến tuổi đi học đều đến trường, khi đó dân cư có tháp tuổi - giới tính hình tam giác (dân số trẻ) sẽ có hệ thống GDPT, trong đó HS bậc tiểu học, trung học cơ sở (THCS) lớn hơn bậc trung học phổ thông (THPT). DS quận Bình Tân thuộc loại cơ cấu DS trẻ nên số HS tiểu học > THCS > THPT. Tỷ lệ này được thể hiện ở quận trong suốt giai đoạn (xem Bảng 3).

Bảng 3. Tỷ lệ HSPT phân theo các cấp học ở quận Bình Tân, giai đoạn 2003-2013

Cấp học	2003	2008	2010	2013
Tiểu học	56,4	58,0	60,3	60,7
THCS	32,0	31,2	27,9	28,5
THPT	11,6	10,8	11,8	10,8

Đơn vị: %

Nguồn: Xử lý từ [1]

Mối quan hệ giữa DS và GDPT thể hiện khá rõ: cơ cấu DS trong độ tuổi HSPT của Quận có sự thay đổi trong 2 năm khảo sát. Số trẻ em ở các độ tuổi khác nhau đều tăng, vì thế, số HSPT các cấp cũng tăng theo (xem Bảng 4).

Bảng 4. Cơ cấu DS theo tuổi và số HS các cấp trong độ tuổi HSPT quận Bình Tân năm 2004, 2009

Độ tuổi	2004			2009		
	DS	Số HS	HS/DS	DS	Số HS	HS/DS

5 – 9 (Tiểu học)	22.258	11.325	51%	35.391	30.020	85%
10 – 14 (THCS)	22.067	6073	28%	28.049	14.128	50%
15 - 19 (THPT)	42.886	2185	5%	57.873	5345	9%
Tổng số	87.211	19.583	22%	121.31	49.493	41%

Nguồn: Xử lý từ [1]

Bảng 4 còn cho thấy với áp lực của tăng DS, GDPT của Quận tăng đáng kể. Năm 2004 (1 năm sau thành lập) Quận mới đảm bảo cho 51% trẻ trong độ tuổi tiểu học đến trường, nhưng đến năm 2009, tỉ lệ này được nâng lên 85%. Năm 2004, tỉ lệ HS/DS trong độ tuổi đến trường có 22%, đến năm 2009 tăng lên 41%.

2.1.3. Phân bố dân cư ảnh hưởng trực tiếp đến GDPT

Mật độ và phân bố dân cư không đều giữa các phường tạo ra sự khác biệt trong GDPT giữa các phường. Mật độ DS càng lớn và tăng nhanh đồng nghĩa với việc trẻ em đến tuổi đi học càng cao và ngược lại. Bảng 5 cho thấy các phường Bình Trị Đông, Bình Hưng Hòa B, Bình Hưng Hòa A, Tân Tạo GDPT có DS đông, mật độ dân cư cao nên hệ thống GDPT được đầu tư và phát triển khá tốt. Ngược lại, các phường có mật độ dân cư thấp, phân bố phân tán thì GDPT còn hạn chế, điển hình như phường Tân Tạo A.

Bảng 5. Phân bố dân cư và cơ sở vật chất ngành GD phân theo phường quận Bình Tân năm 2013

Phường	DS (người)	Mật độ (người/km ²)	Số trường (trường)	Số lớp (lớp)	Số GV/vạn dân	Số HS (người)
Bình Trị Đông	82.824	27.981	4	213	35,00	9182
Bình Hưng Hòa B	56.766	7744	6	178	52,50	8002
Bình Hưng Hòa A	107.88 1	23.200	4	184	22,43	7775
Tân Tạo	65.198	12.885	5	148	37,27	6633
An Lạc	64.691	13.366	5	159	41,11	6243
Bình Trị Đông A	57.033	12.239	3	108	32,79	4420
An Lạc A	33.178	28.602	3	98	42,50	3967
Bình Hưng Hòa	66.276	14.761	3	60	16,60	3716

Bình Trị Đông B	54.163	12.310	1	60	13,48	2495
Tân Tạo A	65.533	5315	1	56	10,22	2359

Nguồn: Xử lý từ [1].

DS còn gián tiếp ảnh hưởng đến GDPT thông qua ảnh hưởng của sự tăng nhanh dân số đến chất lượng cuộc sống, mức thu nhập. Điều này thể hiện ở sự khác biệt trong tiếp cận và đầu tư cho giáo dục giữa các nhóm dân cư có thu nhập khác nhau. Cụ thể: học phí giữa 2 nhóm chênh lệch 6,7 lần, học thêm của nhóm hộ giàu khoảng 5,4 triệu đồng/HS/năm, trong khi phần lớn HS con của các nhóm hộ nghèo không được đầu tư khoản này. Nhóm hộ giàu chỉ cho giáo dục là 20 triệu đồng/HS/năm, trong khi đó nhóm hộ nghèo chỉ có 3 triệu (xem Bảng 6).

Bảng 6. Chi phí cá nhân cho một HS cấp THCS quận Bình Tân năm 2013
phân theo nhóm hộ giàu, nghèo

Các khoản chi cho giáo dục (1000 đồng/năm)								
	Học phí	Đóng góp	Đồng phục	SGK	Dụng cụ học tập	Học thêm	Chi phí khác	Tổng
Nhóm hộ giàu	8000	1000	1000	500	500	5400	3600	20.000
Nhóm hộ nghèo	1200	200	600	200	200	0	600	3000

Nguồn: Chi cục Thống kê quận Bình Tân năm 2013

2.2. Ảnh hưởng của giáo dục phổ thông đến phát triển dân số

Giáo dục trực tiếp mở rộng, nâng cao sự hiểu biết, ý thức của con người; do vậy, nó có tác động rất lớn đến sự hiểu biết, thái độ và hành vi của họ như: điều chỉnh hành vi sinh sản một cách hợp lý, nguyên nhân và cách hạn chế tỉ lệ tử vong ở trẻ em, sự di dân giữa các khu vực, vùng miền. Vì vậy có thể nói, tác động của giáo dục đến DS trực tiếp và rõ nhất thông qua các yếu tố: kết hôn, mức sinh, mức tử và di dân. Tuy nhiên, tác động của giáo dục đến DS không mang tính tức thời như tác động của DS đến giáo dục mà phải trải qua một thời kì mới được kiểm nghiệm. Dưới đây, chúng tôi phân tích ảnh hưởng của giáo dục đến PTDS ở quận Bình Tân theo các khía cạnh nói trên.

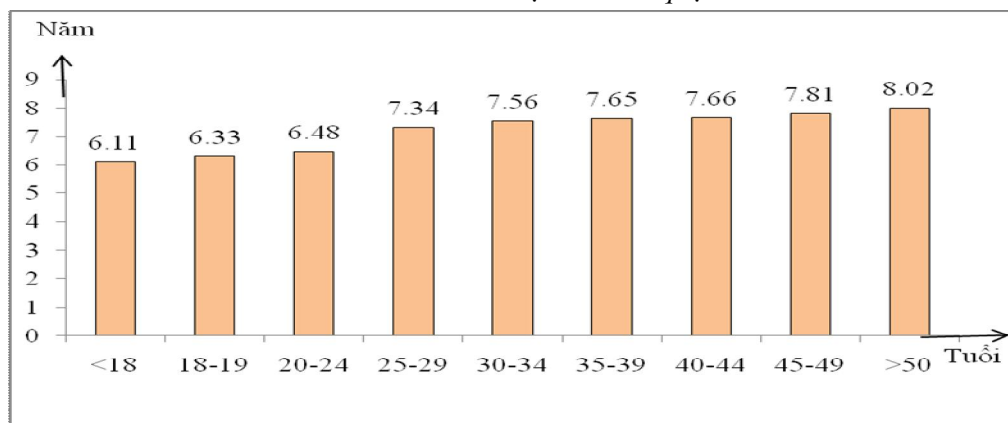
2.2.1. Ảnh hưởng của GDPT đến hôn nhân

Những người có trình độ học vấn cao, đặc biệt là phụ nữ, thường được tự do lựa chọn bạn đời. Họ kết hôn muộn vì thời gian học tập kéo dài. Họ có khả năng tự quyết định li hôn khi cần thiết. Trình độ học vấn ảnh hưởng rất lớn đến quyết định trong hôn nhân. Trình độ học vấn càng cao thì quyền tự quyết định càng lớn. Mặt khác, tuổi kết hôn sớm hay muộn lại trực tiếp rút ngắn thời gian mà phụ nữ có khả năng sinh đẻ. Phụ nữ kết hôn sớm thì khoảng thời gian sinh đẻ kéo dài và ngược lại.

Biểu đồ 1 cho thấy, tình trạng hôn nhân và số năm đi học thể hiện ở quận Bình Tân như sau: tuổi kết hôn < 18 tuổi thì số năm đi học là 6,11 năm, kết hôn ở tuổi > 25, thì số

năm đi học > 7,3 năm. Những người kết hôn ở độ tuổi từ 30 trở lên thì số năm đi học trung bình từ 7,5 năm trở lên.

Biểu đồ 1. Tuổi kết hôn và số năm đi học của DS quận Bình Tân năm 2013



Nguồn: [1]

2.2.2. Ảnh hưởng của GDPT tới mức sinh

GDPT ảnh hưởng trực tiếp đến trình độ nhận thức của người dân, đặc biệt là số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Những người có trình độ học vấn cao thường kết hôn muộn, do vậy độ dài thời gian sinh đẻ rút ngắn lại. Đặc biệt, phụ nữ ngày càng được tiếp cận với giáo dục nhiều hơn, vì thế tỉ lệ sinh, tỉ lệ sinh con thứ 3 trở lên và tỉ lệ tăng tự nhiên ngày càng giảm (xem Bảng 7).

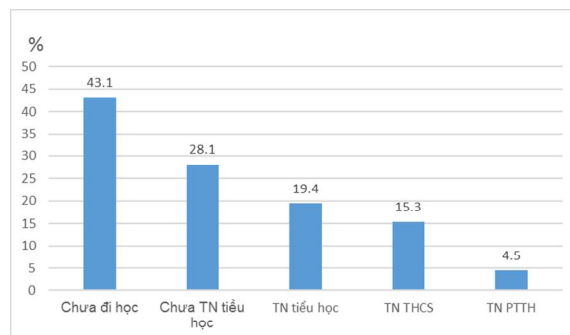
Bảng 7. DS, tỉ lệ sinh, tỉ lệ gia tăng DS tự nhiên quận Bình Tân

Chỉ báo	Giai đoạn		
	2001- 2005	2006 – 2010	2011 – 2015
Dân số trung bình (người)	408.364	572.533	665.766
Tỉ lệ sinh tự nhiên (‰)	16,7	14,7	14,3
Tỉ lệ sinh con thứ 3 ⁺ (%)	4,95	3,07	2,75
Tỉ lệ tăng tự nhiên (%)	1,32	1,17	1,13

Nguồn: Thống kê của UBND quận Bình Tân

Đáng lưu ý là tỉ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên có liên quan chặt chẽ với trình độ học vấn – học vấn càng cao thì tỉ lệ này càng thấp. Số liệu năm 2007 cho thấy, tỉ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên chưa đi học là 43,1%; 28,1% chưa tốt nghiệp tiểu học; 19,4% tốt nghiệp tiểu học; 15,3% tốt nghiệp THCS và chỉ còn 4,5% đối với phụ nữ có trình độ THPT (xem Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Tỉ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên phân theo trình độ học vấn quận Bình Tân năm 2007



Nguồn: Dân số và Kế hoạch hóa gia đình quận Bình Tân

Ảnh hưởng của GDPT đến DS còn thể hiện qua mối quan hệ giữa tình trạng biết đọc, biết viết của phụ nữ và TFR ở Quận. Bảng 8 cho thấy tỉ lệ dân số nữ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết và TFR tỉ lệ thuận với nhau: tỉ lệ dân số nữ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết năm 2009 ở mức 1,3 – 3%, thì TFR là 1,5 – 1,9 con/ phụ nữ, ở mức 6,3 – 29,1%, thì TFR tăng lên là 2,6 – 3,5 con/ phụ nữ. Có sự khác biệt này là vì số nữ từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết càng cao có nghĩa là họ được tiếp cận các nguồn thông tin dễ dàng hơn, có nhận thức tốt hơn về lợi ích của gia đình ít con và họ cũng dễ dàng thực hiện tốt các biện pháp tránh thai. Hơn nữa, con của những phụ nữ có trình độ nhận thức cao được chăm sóc tốt hơn dẫn đến tỉ lệ chết sơ sinh và chết trẻ em thấp.

Bảng 8. Tương quan giữa tỉ lệ DS nữ từ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết với tổng tỉ suất sinh TFR quận Bình Tân năm 2009

Tỉ lệ dân số nữ 15 tuổi trở lên không biết đọc, biết viết (%)	1,3-3	3,1-3,5	3,6-4,8	4,9-6,2	6,3-29,1
Tổng tỉ suất sinh TFR (số con/ phụ nữ)	1,5-1,9	2,0	2,1-2,2	2,3-2,5	2,6-3,5

Nguồn: Dân số và Kế hoạch hóa gia đình quận Bình Tân

2.2.3. GDPT ảnh hưởng đến mức chết

Trình độ giáo dục có ảnh hưởng đặc biệt đến mức chết trẻ em. Hầu hết các công trình nghiên cứu về mức chết trẻ em ở các nước đang phát triển đều cho rằng trình độ giáo dục, đặc biệt là giáo dục của phụ nữ là “chìa khoá” để giảm mức chết trẻ em. Tỉ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi theo trình độ học vấn của người mẹ có mối quan hệ khá chặt chẽ. Con của các phụ nữ chưa bao giờ đi học có mức độ chết cao hơn so với con của các phụ nữ có trình độ học vấn cao. Sở dĩ có tình trạng trên là vì phụ nữ có trình độ học vấn thấp thường sinh nhiều con hơn, khoảng cách giữa hai lần sinh thường ngắn hơn 24 tháng. Đồng thời họ thường ít hiểu biết cách nuôi con và phòng chống các bệnh tật.

Ở quận Bình Tân, tỉ suất chết trẻ em cả dưới 1 và 5 tuổi của phụ nữ chưa bao giờ đi học cao gấp 3 lần so với của phụ nữ đã tốt nghiệp THCS và cao gấp gần 4 lần so với của phụ nữ đã tốt nghiệp THPT trở lên (xem Bảng 9).

Bảng 9. Tỉ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi chia theo trình độ học vấn của người mẹ ở quận Bình Tân năm 2009 (Số chết/1000 trẻ sinh sống)

Trình độ học vấn của người mẹ	Tỉ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi	Tỉ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi
Chưa đi học	37	69
Chưa tốt nghiệp tiểu học	22	41
Tốt nghiệp tiểu học	13	26
Tốt nghiệp THCS	12	23
Tốt nghiệp THPT trở lên	9	18

Nguồn: Dân số và Kế hoạch hóa gia đình quận Bình Tân

2.2.4. GDPT ảnh hưởng đến di dân

Ngoài ra, giáo dục còn ảnh hưởng đến di dân, đặc biệt là di dân từ nông thôn ra thành thị. Trong đại bộ phận các nước đang phát triển, thành thị là nơi có điều kiện sống tốt hơn ở nông thôn và dễ kiếm việc làm hơn. Do đó, những người có trình độ học vấn cao ở nông thôn thường có xu hướng di cư ra thành thị làm ăn sinh sống. Xu hướng này tác động đến những lớp người trẻ mạnh hơn người cao tuổi, đến những người có trình độ học vấn cao mạnh hơn những người có trình độ học vấn thấp. Những người trẻ, có trình độ học vấn cao thường năng động hơn, vì thế họ có khả năng di cư nhiều hơn.

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Phát triển DS và phát triển giáo dục có mối liên hệ tương quan khá chặt chẽ, những thay đổi trong phát triển DS tác động cả trực tiếp lẫn gián tiếp đến phát triển GDPT và ngược lại.

Giai đoạn từ 2003 – 2013, DS quận Bình Tân tăng nhanh liên tục làm cho quy mô DS cao (cao nhất Thành phố). Dân số tăng do tăng cơ học dẫn đến cơ cấu DS trẻ mà hệ quả là tạo ra áp lực lớn cho GDPT.

Mười năm qua, mặc dù GDPT của Quận đã tăng khá nhanh nhưng so với mức tăng DS là chưa tương xứng; vì thế Quận cần có chính sách phù hợp cả về phát triển DS và GDPT để thúc đẩy lẫn nhau.

3.2. Kiến nghị

Trong thời gian tới quận Bình Tân cần tập trung nhân lực, vật lực thực hiện chiến lược phát triển hài hòa giữa DS và GDPT với một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Triệt để thực hiện chiến lược dân số Việt Nam 2010 – 2020, trong đó biện pháp thiết thực nhất là thực hiện tốt chính sách DS và kế hoạch hóa gia đình để ổn định quy mô DS ở mức hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Muốn thực hiện được điều này Quận cần có chính sách để hạn chế và chọn lọc dân nhập cư nhằm hạn chế mức tăng cơ học và nâng cao chất lượng dân số.

- Phân bố lại dân cư hợp lý hơn bằng việc phát triển kinh tế, giáo dục, y tế ở một số phường có mật độ dân số còn thấp, tạo động lực nhập cư cho các phường này (Bình Hưng Hòa B, Tân Tạo A...).

- Tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển GDPT hơn nữa cả quy mô lẫn chất lượng. Cụ thể:

+ Xây dựng thêm một số trường học trong đó ưu tiên cho các phường có số trường còn ít như: Tân Tạo A, Bình Trị Đông B – mỗi phường chỉ có 1 trường học; các phường còn ít trường học so với quy mô dân số như: Bình Hưng Hòa (hiện chỉ có 3 trường học/ 66.276 dân, Bình Hưng Hòa A – 4 trường/107.881 dân...).

+ Mở rộng quy mô trường học các cấp (vì hiện nay quy mô trung bình của các trường ở Quận mới chỉ đạt 36 lớp/ trường) mà trước mắt là cho các trường có quy mô nhỏ: các trường ở phường Bình Hưng Hòa, phường An Lạc A.

+ Giảm sĩ số HS/ lớp học cho mỗi bậc học (sĩ số HS/ lớp ở Quận hiện nay xấp xỉ 40 em/ lớp); đảm bảo trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường trong phạm vi không xa.

+ Chọn xây dựng trường trọng điểm, trường có uy tín ở các bậc học tiểu học, THCS, THPT, đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn; hướng tới xây dựng các trường đạt chuẩn Quốc gia.

+ Nâng cao chất lượng giáo viên các cấp đảm bảo chuẩn nghề nghiệp theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Sở Giáo dục TPHCM.

- Tạo mọi điều kiện và cơ hội để phụ nữ và trẻ em được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ giáo dục. Nâng cao trình độ học vấn cho phụ nữ và trẻ em gái, thu hẹp sự khác biệt về giáo dục giữa các nhóm dân số. Từng bước đưa chương trình giáo dục DS và giáo dục giới tính vào chương trình GDPT, có tính đến yếu tố độ tuổi sao cho phù hợp.

- Cần phải gắn vấn đề dự báo dân số với chiến lược phát triển giáo dục, tạo cơ sở vững chắc cho việc hoạch định chiến lược phát triển giáo dục trong những năm tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê (2013), *Niên giám thống kê quận Bình Tân, các năm 2003 – 2013*.
2. Tổng Văn Đường (2001), *Giáo trình dân số và phát triển*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
3. Nguyễn Ngọc Huy (2006), *Mối quan hệ giữa dân số và giáo dục ở nước ta*, Tổng cục Dân số kế hoạch hóa gia đình.
4. Tổng cục Thống kê (2011), *Mức sinh và mức chết ở Việt Nam: hiện trạng xu hướng và những khác biệt*, Hà Nội.